

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: TT.22/KIDO/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

Địa chỉ: Lầu 3, Tháp V5, Sunrise City South, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 38270468 Fax: 028 38270469

E-mail: CustomerService@kdc.vn

Mã số doanh nghiệp: 0302705302

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÁNH TRUNG THU THƯỢNG HẠNG DẪO CỐM SEN**
2. Thành phần: Đường, bột nếp, trứng vịt muối (6,7 %), dầu thực vật, đường trehalose, hạt sen (3,4 %), đậu xanh, chất làm ẩm (1520, 420(ii), 422), cốm dẹp xanh (1,1 %), mạch nha, bột sữa dừa, hương liệu lá dứa (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), chất điều chỉnh độ acid (501(i), 500(i), 330, 339(iii), 339(i), 452(i)), rượu, kem béo thực vật, dầu mè, chất ổn định (1442), hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (dừa), chất bảo quản (202), hương liệu tự nhiên (hoa bưởi), muối, chất chống oxi hóa (223), chất tạo màu tổng hợp (102, 110, 133).
 - Thông tin cảnh báo: Bên trong có gói hút oxy, không được ăn. Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.
 - Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp
 - Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 45 ngày kể từ ngày sản xuất.
 - Ngày sản xuất và Hạn sử dụng: Xem “NSX” và “HSD” trên bao bì.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: 120 g, 150 g, 160 g, 170 g, 180 g, 190 g, 200 g, 210 g, 250 g/gói.
Khối lượng tịnh: Xem “KLT” trên tem nhãn.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - Xuất xứ: Việt Nam
 - Sản xuất bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 - Địa chỉ sản xuất: Lô 7 - 12 (Khu A5) Khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.



- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Tiến Hoàng
Phó Tổng Giám Đốc





Sản phẩm của: **KIDO GROUP**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
Địa chỉ: Lầu 3, Tháp V5, Sunrise City South, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ,
Phường Tân Hưng, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (+84) 28 3827 0468 Fax: (+84) 28 3827 0469.
Email: CustomerService@kdc.vn
Sản xuất bởi: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**
Địa chỉ sản xuất: Lô 7-12 (Khu A5) Khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp,
Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.
Dịch vụ khách hàng: 1800 088 825

Thưởng Thức Mỹ Vị Trao Trọn Thân Thương

Ngày sản xuất và Hạn sử dụng: Xem "NSX" và "HSD" trên bao bì.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.
Khối lượng tịnh: Xem "KLT" trên tem nhãn.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo: Bên trong có gói hút oxy, không được ăn.
Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.

Thành phần của các mã bánh: SN1, CH1, GQ1, TO1, STC0

Thành phần chung: Bột mì, đường, trứng vịt muối (6,6% - 9,5%), mè, hạt dẻ, hạt điều, xà xiu, mứt bí, mớ heo, lap xường, đậu thực vật, mứt chanh, mứt gừng, bột nếp, xốt xà xiu MC, chất ổn định (1442), rượu, chất làm ẩm (420(ii)), đường ngô, dầu đậu phộng, dầu mè, chất điều vị (621), tiêu, hạt nêm, xốt ướp dầu nước, chất điều chỉnh độ acid (501(i), 500(ii), 330), lá chanh, nước cốt chanh, chất tạo màu tổng hợp (150d, 124, 110), muối, trứng gà, nguyên liệu thực phẩm (Fondolac SL), bột lòng đỏ trứng.

Thành phần riêng:

SN1: Ngũ hạt (16,0%) [mè, hạt điều, hạt dẻ, hạt hạnh nhân, hạt dẻ cười], lap xường (4,7%), sô điệp, cháo đỏ, nước ướp mai quế lỏ, ngũ vị hương, dầu hào, ớt, tỏi, sả, CH1: Xốt Singapore MC (6,7%), thịt cua (2,9%) [trong 210 g thịt cua có chứa 2,2 g của Hoàng đế], jambon, hạt hạnh nhân, sô điệp, bột gia vị gà, hương liệu tự nhiên và tổng hợp (huong oti), hỗn hợp cua, ngũ vị hương.

GQ1: Xốt Hồng Kông MC (5,8%), jambon, hạt hạnh nhân, hạt dẻ cười, thịt gà (1,8%), dầu hào, sô điệp, bột gia vị hỗn hợp, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (huong hau), bột gia vị gà, hân par, hương liệu tự nhiên (huong khoi), hành tím, tỏi, nước tương, gừng.

TO1: Xốt tiêu đen (5,2%), thịt tôm (4,2%) [trong 210 g thịt tôm có chứa 2,2 g tôm Alaska], jambon, hạt hạnh nhân, bơ đậu phộng, xốt tương ngọt, hương liệu tự nhiên (huong tieu), ngũ vị hương.

STC0: Lap xường (5,0%), cháo đỏ, nước ướp mai quế lỏ, ngũ vị hương.

Lưu ý: Mã STC0 Không có trứng vịt muối.

Thành phần của các mã bánh: DSR, DSR1, DCS, DCS1, SDX0, SDX, SDH0
Thành phần chung: Đường, bột nếp, đậu xanh, đường trehalose, dầu thực vật, trứng vịt muối (6,7%), hạt sen, mạch nha, chất làm ẩm (1520, 420(ii), 422), chất ổn định (1442), rượu, dầu mè, chất điều chỉnh độ acid (501(i), 500(ii), 330, 339(iii), 339(i), 452(i)), chất bảo quản (202), muối, hương liệu tự nhiên (hoa buoi), chất chống oxy hóa (223).

Thành phần riêng:

DSR, DSR1: Đậu xanh (2,1%), paste sấu riềng (0,9%), hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (sấu riềng), chất tạo màu tự nhiên (100(ii)), chất tạo màu tổng hợp (102, 110, 133).

DCS, DCS1: Hạt sen (3,4%), cốm dẹp xanh (1,1%), bột sấu dứa, hương liệu lá dứa (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), kem béo thực vật, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (dứa), chất tạo màu tổng hợp (102, 110, 133).

SDX0, SDX: Đậu xanh (5,9%), mớ heo, kem béo thực vật, hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (đậu xanh), hương liệu giống tự nhiên (vani).

SDH0: Hạt sen (1,3,8%), mớ heo, kem béo thực vật, hương liệu hạt sen (giống tự nhiên, tự nhiên và tổng hợp).

Lưu ý: Mã SDX0, SDX, SDH0, DSR, DCS Không có trứng vịt muối, rượu, dầu mè.

Thành phần của các mã bánh: DL1, HS1, SR1, DD1, DS1, SKM0, XP0, DP0

Thành phần chung: Đường, bột mì, dầu thực vật, trứng vịt muối (6,6% - 9,5%), đường trehalose, đường ngô, bột nếp, chất ổn định (1442), chất điều chỉnh độ acid (501(i), 500(ii), 330), rượu, chất bảo quản (202), dầu mè, muối, nước cốt chanh, trứng gà, nguyên liệu thực phẩm (Fondolac SL), bột lòng đỏ trứng, chất tạo màu tổng hợp (110).

Thành phần riêng:

DL1: Hạt sen, đậu xanh (6,5%), mớ heo, mạch nha, bột lá dứa (0,6%), kem béo thực vật, chất điều chỉnh độ acid (339(iii), 339(i), 452(i)), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), lá dứa, cocopandan (102, 133), dầu xanh, chất chống oxy hóa (223), chất tạo màu tự nhiên (100(i)).

HS1: Hạt sen (10,6%), đậu xanh, hạt dẻ (3,2%), mớ heo, mạch nha, kem béo thực vật, chất điều chỉnh độ acid (339(iii), 339(i), 452(i)), hương liệu hạt sen (giống tự nhiên, tự nhiên và tổng hợp), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), chất chống oxy hóa (223).

SR1: Dứa (28,4%), mứt bí, sấu bột (3,7%), mớ heo, chất làm ẩm (420(ii), 422), hạt dẻ, dầu đậu phộng, paste sấu riềng (2,0%), bột sấu riềng (0,9%), hương liệu tổng hợp (vani), hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (sấu riềng), chất tạo màu tự nhiên (100(ii)), chất chống oxy hóa (320, 321).

DD1: Đậu đỏ (9,5%), hạt sen, hạt dẻ (2,7%), mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (339(ii), 339(i), 452(i)), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (đậu đỏ).

DS1: Hạt sen, đậu xanh (5,4%), paste sấu riềng (2,4%), mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (339(iii), 339(i), 452(i)), hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (sấu riềng), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), chất chống oxy hóa (223), chất tạo màu tự nhiên (100(i)).

SKM0: Hạt sen, khoai môn (7,9%), mớ heo, mạch nha, kem béo thực vật, chất điều chỉnh độ acid (339(ii), 339(i), 452(i)), hương liệu khoai môn (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), bột khoai môn (0,1%), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), hương liệu tổng hợp (dứa), chất tạo màu tổng hợp (102, 133).

XP0: Nhân phô mai (14,2%), hạt sen, đậu xanh, mớ heo, mạch nha, chất làm ẩm (1965(ii)), bột trà xanh matcha (0,4%), chất điều chỉnh độ acid (339(iii), 339(i), 452(i)), kem béo thực vật, hương liệu matcha (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), chất chống oxy hóa (223), chất tạo màu tổng hợp (102, 133).

DP0: Nhân phô mai (13,8%), hạt sen, đậu xanh, mớ heo, mạch nha, nam việt quất sấy khô (2,3%), chất làm ẩm (1965(i)), mứt dâu (0,6%), hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (mixed berry (hỗn hợp quả mọng)), chất điều chỉnh độ acid (339(ii), 339(i), 452(i)), kem béo thực vật, chất tạo màu tự nhiên (120), hương liệu giống tự nhiên và tổng hợp (vani), chất chống oxy hóa (223).

Lưu ý: Mã SKM0, XP0, DP0 Không có trứng vịt muối, rượu, dầu mè.

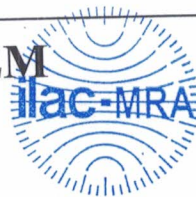
Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.

BN: 250626-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 25061113

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results



Tên mẫu / Sample name: **BÁNH TRUNG THU THƯỢNG HẠNG DẸO CỐM SEN**
Khách hàng / Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**
Địa chỉ / Address : **Lầu 3, Tháp V5, Sunrise City South, số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Mô tả mẫu / Sample description : **Mẫu thực phẩm đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu / Matrix : **BÁNH TRUNG THU THƯỢNG HẠNG DẸO CỐM SEN**

Số lượng mẫu / Number of sample: **01**

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : **26/06/2025**

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: **11/07/2025**

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
25061113	Protein (*) (N x 6.25)	3.73	-	g/100g	SG.NB.HD.TN.101 (Ref. AOAC 991.20)
	Carbohydrate (*) (Không bao gồm xơ)	51.4	-	g/100g	SG.NB.HD.TN.020 (Ref. EC 152:2009)
	Béo tổng (*)	6.55	-	g/100g	SG.NB.HD.TN.019 (Ref. AOAC 996.06)
	Năng lượng (*) (Tính trên Protein, Béo tổng và Carbohydrate không bao gồm xơ)	279	-	kcal/100g	Calculated value (FAO, FOOD & Nutrition, P.77, 2003)
	Đường tổng (*)	34.5	-	g/100g	SG.NB.HD.TN.020 (Ref. EC 152:2009)
	Natri (Na) (*)	530	-	mg/kg	SG.NB.HD.TN.026 (Ref. AOAC 2015.01)

BN: 250626-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 25061113

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
25061113	Thủy ngân (Hg) (*)	KPH	0.02	mg/kg	SG.NB.HD.TN.024 (Ref. AOAC 2015.01)
	Arsen (As) (*)	KPH	0.05	mg/kg	SG.NB.HD.TN.024 (Ref. AOAC 2015.01)
	Cadimi (Cd) (*)	KPH	0.05	mg/kg	SG.NB.HD.TN.024 (Ref. AOAC 2015.01)
	Chì (Pb) (*)	KPH	0.05	mg/kg	SG.NB.HD.TN.024 (Ref. AOAC 2015.01)
	Aflatoxin B ₁ (*)	KPH	0.3	µg/kg	SG.NB.HD.TN.200(2024) (Ref. EN 15662:2018; TCVN 10638:2014)
	Aflatoxin tổng (B ₁ B ₂ G ₁ G ₂) (*)	KPH	0.3	µg/kg	SG.NB.HD.TN.200(2024) (Ref. EN 15662:2018; TCVN 10638:2014)
	Ochratoxin A (*)	KPH	1.0	µg/kg	SG.NB.HD.TN.200(2024) (Ref. EN 15662:2018; TCVN 10638:2014)
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	SG.NB.HD.TN.225 (Ref. EN 15662:2018)
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	SG.NB.HD.TN.225 (Ref. EN 15662:2018)
	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	< 10	-	CFU/g	TCVN 4884 - 1:2015
	<i>Escherichia coli</i> (*)	< 10	-	CFU/g	TCVN 7924-2:2008
	<i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính <i>coagulase</i> (*)	< 10	-	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
	Nấm mốc	< 10	-	Số bào tử/g	TCVN 8275 - 2:2010
	<i>Salmonella. spp</i> (*)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017

BN: 250626-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 25061113

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results

BẢNG GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	279	Kcal	14 %
Chất đạm (Protein)	3.73	g	7 %
Carbohydrate	51.4	g	16 %
Đường tổng số (Total Sugars)	34.5	g	-
Chất béo (Fat)	6.55	g	12 %
Natri (Sodium)	53.0	mg	3 %

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100g thực phẩm.

Ghi chú/Note:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên / The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director
- (*) Phương pháp được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận (VILAS) / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy / According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

Phạm Thị Kim Cúc

Giám Đốc
Director
CÔNG TY TNHH
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN
TS. Phạm Kim Phương